

Số: 2360 /QĐ-UBND

Lạng Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý
rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lạng Giang giai đoạn 2024 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TTBTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 1354/TTr-TCKH ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lạng Giang giai đoạn 2024 - 2025 (đã bao gồm thuế VAT).

(Chi tiết từ Phụ lục 01 đến phụ lục 21 đính kèm).

Điều 2.

1. Giao UBND các xã, thị trấn tổ chức thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt hàng tháng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh; quản lý, sử dụng tiền thu được để chi trả cho đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến mức thu do UBND huyện phê duyệt tới toàn thể nhân dân nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc nộp tiền dịch vụ, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

3. Quản lý tiền thu: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lạng Giang giai đoạn 2022 - 2023.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Chi cục thuế khu vực Lục Nam-Lạng Giang, Kho bạc nhà nước huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HU, các ban xây dựng Đảng và TTBDCT huyện;
- UBMTTQ và các Đoàn thể Chính trị - xã hội;
- Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc huyện;
- Các cơ quan của tỉnh, các đơn vị quân đội trên địa bàn huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, TH.
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Hương Lan

Phụ lục 01**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã
Xương Lâm giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	25.000
2	Hộ > 3 người		33.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	200.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	100.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	8.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	80.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 02

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Tân Thanh giai đoạn 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)

1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	12.000
2	Hộ > 3 người		16.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	220.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	106.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	8.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	80.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 03**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Quang Thịnh giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	20.000
2	Hộ > 3 người		25.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 04**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Hương Lạc giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	20.000
2	Hộ > 3 người		25.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	200.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	100.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 05**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Tiên Lục giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	15.000
2	Hộ > 3 người		20.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 06**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã An Hà giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	18.000
2	Hộ > 3 người		23.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>
4	Khu phố Bằng	đồng/khẩu/tháng	7.000

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 07**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Mỹ Hà giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	16.000
2	Hộ > 3 người		22.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	72.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	72.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	55.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Hương Sơn giai đoạn 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)

1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	15.000
2	Hộ > 3 người		18.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	70.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	65.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	8.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	80.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	125.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	878.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 09

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Yên Mỹ giai đoạn 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)

1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	12.000
2	Hộ > 3 người		16.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	220.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	106.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	8.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	80.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	220.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 10**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Nghĩa Hòa giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	16.000
2	Hộ > 3 người		20.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	220.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	106.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	8.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	80.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	878.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 11**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Đại Lâm giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	12.000
2	Hộ > 3 người		16.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 12

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Mỹ Thái giai đoạn 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)

1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	16.000
2	Hộ > 3 người		22.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 13**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Tân Hưng giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	14.000
2	Hộ > 3 người		16.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	145.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 14**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Xuân Hương giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	14.000
2	Hộ > 3 người		16.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	145.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Kép giai đoạn 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)

1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người tại mặt đường Quốc lộ 1A, tỉnh lộ 292 và các tuyến đường nội thị.	đồng/hộ/tháng	45.000
2	Hộ > 3 người tại mặt đường Quốc lộ 1A, tỉnh lộ 292 và các tuyến đường nội thị.		60.000
3	Hộ ≤ 3 người tại các tuyến đường còn lại và khu vực nông thôn.		30.000
4	Hộ > 3 người tại các tuyến đường còn lại và khu vực nông thôn.		35.000
5	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	150.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	150.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000

2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 16**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Tân Dĩnh giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	25.000
2	Hộ > 3 người		35.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 17**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Thái Đào giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	20.000
2	Hộ > 3 người		25.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Đào Mỹ giai đoạn 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)

1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	15.000
2	Hộ > 3 người		20.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 19**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Nghĩa Hưng giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	16.000
2	Hộ > 3 người		20.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1m^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 20**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Dương Đức giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	12.000
2	Hộ > 3 người		16.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	220.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	106.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	80.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	220.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	878.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là; $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Phụ lục 21**Mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Vôai giai đoạn 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện)***1. Đối với hộ gia đình không kinh doanh**

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	38.000
2	Hộ > 3 người		50.000
3	Hộ nghèo		<i>bằng 20% hộ cùng khu vực</i>

2. Đối với hộ kinh doanh và các đối tượng khác

TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ kinh doanh		
1.1	Hộ kinh doanh ăn uống: cửa hàng ăn, quán bia, nước giải khát, cà phê, karaoke....	đồng/hộ/tháng	295.000
1.2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	145.000
1.3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	11.000
1.4	Nhà nghỉ	đồng/hộ/tháng	110.000
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng, doanh nghiệp....	đồng/tháng	295.000
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải là: $1\text{m}^3 = 0,42$ tấn
- Đối với các hộ ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè (nếu không học).
- Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.